

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL24BTS**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02231**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Tin học**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453801010001	Bùi Hoàng Ân	08/08/1996				8	7.0				9.0		8.3
2	2453801010002	Dương Thị Kim Chi	01/01/1990				8	8.0				9.5		8.9
3	2453801010003	Lâm Văn Út	10/08/1988				7	7.0				9.0		8.2
4	2453801010004	Nguyễn Thị Mỹ Dung	24/03/1992				5	7.0				9.0		7.9
5	2453801010006	Trần Cường	03/10/1993				9	9.0				9.5		9.3
6	2453801010007	Nguyễn Thị Huỳnh	20/05/1991				8	9.0				9.5		9.2
7	2453801010008	Lê Huỳnh	28/06/1983				8	9.0				9.5		9.2
8	2453801010009	Lê Hùng	13/08/1995				8	9.5				10.0		9.6
9	2453801010010	Trần Vĩ	06/11/2004				9	9.0				9.5		9.3
10	2453801010011	Huỳnh Nguyễn Minh	31/08/2008				8	7.5				9.5		8.8
11	2453801010012	Nguyễn Tuấn	07/04/1998				9	9.0				9.5		9.3
12	2453801010013	Phan Hoàng Phú	22/12/2001				6	7.5				9.5		8.5
13	2453801010014	Nguyễn Thị Thuý	19/08/2003				8	9.0				9.5		9.2
14	2453801010016	Võ Quang	05/02/1987				8	8.0				9.0		8.6
15	2453801010017	Đỗ Thành	10/10/2004				8	9.0				9.5		9.2
16	2453801010018	Nguyễn Sĩ Học	20/10/1987				7	6.0				9.5		8.2
17	2453801010019	Lâm Thị Trúc	01/01/1989				9	9.0				9.0		9.0
18	2453801010020	Huỳnh Thị Thu	28/06/1992				8	9.0				9.5		9.2
19	2453801010021	Hứa Hoàng	04/11/1982				8	9.0				9.5		9.2
20	2453801010022	Nguyễn Thị Thiên	06/02/1987				8	8.0				9.0		8.6
21	2453801010023	Châu Thị Lan	15/10/2001				9	8.0				9.5		9.0
22	2453801010024	Nguyễn Thị Quỳnh	20/04/2006				9	7.5				9.5		8.9
23	2453801010026	Chau	03/03/1998				7	7.5				8.0		7.7
24	2453801010027	Nguyễn Tấn	01/01/1982				9	8.5				9.5		9.2
25	2453801010028	Ngô Lê Thái	08/05/2004				7	8.5				9.5		8.9
26	2453801010029	Khuru Thị Thanh	11/11/1999				8	9.0				9.5		9.2
27	2453801010030	Nguyễn Ngọc	01/04/1995				7	9.0				9.5		9.0
28	2453801010031	Nguyễn Thanh	10/07/1987				8	9.0				9.0		8.9
29	2453801010033	Nguyễn Thị Thanh	10/01/1979				7	7.0				9.0		8.2
30	2453801010035	Khuru Thuý	05/02/2005				9	8.5				9.0		8.9

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 17 tháng 3 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Khuu Kim Thanh